

VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

PGS.PTS. NGUYỄN THÀNH XƯƠNG
Phó hiệu trưởng ĐHKT TP.HCM

(tiếp theo kỳ trước)

II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ: NHỮNG THUẬN LỢI VÀ HẠN CHẾ

A. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHƯA ĐÚNG CÀNG NHIỀU YẾU TỐ THUẬN LỢI, CÀNG CÓ HẠP LỰC LỚN ĐỐI VỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI.

Có thể nêu lên những thuận lợi cơ bản của môi trường đầu tư ở Việt Nam như sau:

1. Nền chính trị VN ổn định: Trên cơ sở sự ổn định và thống nhất về chính trị này, VN đang tiến hành một đường lối đổi mới có kết quả tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và gây được niềm tin, sự an tâm ở các nhà đầu tư.

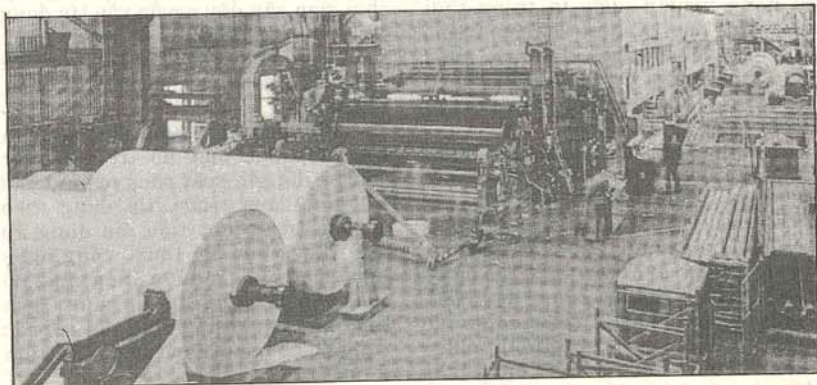
Qua 10 năm đổi mới, đến nay những yếu tố cơ bản của nền kinh tế thị trường đã được tạo lập bước đầu, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy tính năng động sáng tạo của nhân dân, đưa đất nước vượt qua thử thách lớn, đặc biệt là những thử thách gay gắt tới mức hiếm nghèo trong những năm 1990-1991, đạt được những thành tựu quan trọng tạo đà cho nền kinh tế đi vào thế ổn định, tăng trưởng với tốc độ cao.

Trong những năm 1991-1994 GDP tăng bình quân hàng năm 8%, trong đó nông nghiệp tăng 4,2%, công nghiệp tăng 12,6%, dịch vụ tăng 8,6%, xuất khẩu tăng hơn 20%.

Cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Nền tài chính tiền tệ đang đi dần vào thế ổn định, từng bước kìm chế và đẩy lùi lạm phát, đưa tỷ lệ lạm phát từ 800% năm 1986 xuống còn trên dưới 10% trong 3 năm qua.

2. Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao ngày càng mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa với tinh thần "VN mong muốn làm bạn với tất cả các nước". Nhờ đó, đã tạo cơ hội để ngày càng có nhiều nước đến với VN và thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển trên nhiều mặt. Quan hệ thương mại đã được mở rộng với trên 100 nước và lãnh thổ. Chính sách đối ngoại mở rộng đã tạo thế chính trị vững vàng của VN trên trường quốc tế, tạo nên sự ủng hộ của



ngày càng nhiều quốc gia.

3. Về mặt dân số, nguồn lao động và nguồn tài nguyên, VN hiện là một thị trường chưa được khai thác, có tiềm năng của một quy mô dân số khoảng 70-80 triệu người, có một lực lượng lao động lớn (40 triệu người) với tỷ lệ biết chữ khoảng trên 85%, có khả năng thích ứng nhanh với công nghệ hiện đại, lại cần cù, khéo léo, ham học hỏi, VN có một tiềm năng tài nguyên trên mặt đất, trong lòng đất, dưới mặt nước phong phú, đa dạng hoàn toàn phù hợp với nhu cầu phát triển lâu dài và bền vững.

Cùng với giá nhân công thấp, các ưu thế về tiềm năng nói trên tạo nên sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

4. Cùng với bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, VN cũng đã khẩn trương xây dựng một hệ thống pháp luật. Mặc dù còn cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện, bổ sung và ban hành thêm nhiều đạo luật nữa, song những đạo luật đã ban hành bước đầu đã vạch ra hành lang và cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư, đặc biệt là Luật đầu tư nước ngoài, từ khi ban hành (12.1987) đến nay đã 2 lần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tiễn và tăng thêm tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Sơ với luật đầu tư nước ngoài của một số nước, Luật đầu tư nước ngoài của VN có một số điều thoáng hơn, cởi mở hơn.

B. NHỮNG HẠN CHẾ

1. Cơ sở hạ tầng của VN yếu kém, lạc hậu, gây trở ngại lớn cho quá trình di chuyển và vận chuyển phương tiện kỹ thuật, sản phẩm.

2. Hệ thống thông tin kinh tế, liên lạc chưa thật phát triển, còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu thông tin cho các nhà đầu tư.

3. Hệ thống luật pháp VN chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ: còn thiếu nhiều. Các văn bản pháp luật và dưới luật có nhiều chỗ chưa thống nhất với nhau, chưa chặt chẽ và hay bị thay đổi.

Pháp luật không được thực hiện nghiêm, có cả tình trạng "Phép vua thua lệ làng".

Thủ tục còn phức tạp, rườm rà. Tình trạng quan liêu, sách nhiễu trong hệ thống thủ tục còn phổ biến, làm mất nhiều thời gian, mất nhiều công sức của nhà đầu tư, làm cho các nhà đầu tư ngán ngại, chán nản và có xu hướng muốn chuyển vốn sang các nước khác.

4. Đối tác phía VN còn nhiều hạn chế về vốn liên doanh, về khả năng quản lý và điều hành.

Đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ tham gia liên doanh vừa thiếu, vừa yếu về năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh, ngoại ngữ, tập quán quốc tế.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU CỦA VN NHÂM THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM TỚI

VN đang đứng trước sự cạnh tranh gay gắt với các nước, đặc biệt là các nước trong khu vực trong lĩnh vực kêu gọi vốn đầu tư.

Mặt khác, theo kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trong 5 năm

1996-2000, dự kiến GDP tăng bình quân 10-12% năm, xuất khẩu tăng 24% năm, nhập khẩu tăng 22% năm, vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 50-55 tỉ USD, tăng hơn gấp 3 lần 5 năm trước, trong đó trên 50% bằng nguồn vốn trong nước, gần 50% bằng nguồn vốn ngoài nước (bao gồm cả ODA, FDI).

Tình hình trên đòi hỏi VN phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc thu hút vốn nước ngoài.

Theo chúng tôi, trong những năm tới, cần tập trung vào các biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách:

Đối với các nhà đầu tư, một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh tạo ra được một hành lang pháp lý chặt chẽ trong kinh doanh cũng như sự ổn định về chính sách, sự nhất quán trong chủ trương là mối quan tâm hàng đầu.

Đây cũng chính là những vấn đề nhà nước VN đặc biệt quan tâm và cũng đặt ra trong chương trình hành động của mình. Trong những năm gần đây, Quốc Hội VN đã dành phần lớn thời gian để làm luật. Nhưng việc hoàn thiện, bổ sung, ban hành để có một hệ thống pháp luật đồng bộ, hoàn chỉnh và hữu hiệu là việc cần phải tiếp tục một cách khẩn trương.

Trước mắt, cần nghiên cứu và hoàn chỉnh lại bộ Luật đầu tư nước ngoài, xây dựng và thông qua các bộ luật lao động, luật kinh doanh bất động sản, khai thác khoáng sản...

Cũng cần ban hành các văn bản quy định về thuế chấp, cầm cố, thanh lý doanh nghiệp... Tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế, tiền thuê đất, các chính sách khuyến khích đầu tư vào miền núi, vùng cao, trồng rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày... Công bố chính sách đền bù, giải tỏa.

Nghiên cứu chính sách cho người nước ngoài được mua cổ phần của các doanh nghiệp VN cổ phần hóa, cho các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cổ phần hóa như các doanh nghiệp VN.

2. Khẩn trương cải cách thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục đầu tư nước ngoài song song với đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, sách nhiễu, cửa quyền, tình trạng "phép vua thua lệ làng".

Thủ tục hành chính rắc rối cùng với tình trạng những nhiều từ khâu xét thẩm định dự án, xin cấp đất, xét duyệt thiết kế xây dựng đến suốt cả quá trình thi công công trình đầu tư đang là một phần nan lớn và phổ biến ở các nhà đầu tư do phải mất nhiều thời gian và công sức, trong khi đối với họ "thời gian là vàng". Chính vì vậy, việc cải cách thủ tục trong đầu tư theo hướng rõ ràng, đơn giản là

một đòi hỏi cấp bách.

Trong năm 1994, chính phủ VN đã chỉ đạo các ngành, các cấp cải cách thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục đầu tư nước ngoài và nghị định 191 do Thủ tướng ký ngày 28.12.1994 đã thực hiện một bước cải cách rất cơ bản trong lĩnh vực này theo hướng: mỗi công việc đều có một nội dung cụ thể, phải được hoàn thành trong 1 thời gian xác định và do một cơ quan chịu trách nhiệm chính.

Tư tưởng cơ bản của cuộc cải cách này là các cơ quan nhà nước tập trung vào việc xây dựng luật pháp, quy định tiêu chuẩn lĩnh vực quyền sử dụng đất và kiểm tra việc thực hiện, giảm thiểu đến mức thấp nhất việc xin giấy phép và cấp giấy phép, ngoài giấy phép đầu tư, giấy phép cấp quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng các công việc, thực hiện theo hướng đăng ký, không phải xin phép.

3. Đẩy mạnh quy hoạch để định hướng kêu gọi đầu tư

Với môi trường đầu tư ngày càng được cải thiện, trong những năm tới, số lượng dự án đầu tư sẽ ngày càng nhiều. Do đó cần thiết phải xây dựng quy hoạch tổng thể cũng như quy hoạch cụ thể theo vùng lãnh thổ, theo ngành sản xuất để định hướng kêu gọi đầu tư, tránh tình trạng tự phát, manh mún và lúng túng, bị động, thậm chí tranh chấp khi kêu gọi đầu tư. Đồng thời kết hợp mục tiêu của từng dự án với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cả nước cũng như trong từng vùng.

Trước mắt, cần hoàn thành các quy hoạch các khu vực đầu tư tập trung tại 3 vùng trọng điểm quốc gia Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh; Huế-Đà Nẵng-Quảng Nam; TP.HCM-Đồng Nai-Vũng Tàu Bà Rịa. Các khu vực đầu tư tập trung tạo điều kiện thu hút được nhiều vốn đầu tư với hiệu quả cao hơn, bảo đảm quản lý thuận lợi hơn.

Bên cạnh đó, cần khẩn trương quy hoạch xây dựng các khu chế xuất, các khu công nghiệp nhằm tập trung đầu tư theo các địa bàn của lãnh thổ.

4. Khẩn trương đào tạo cán bộ để nâng cao trình độ, năng lực của phía đối tác VN

Hiện nay có khoảng 3.500 cán bộ hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực hợp tác đầu tư. Các cán bộ này bao gồm 3 loại: cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác đầu tư, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh (thành viên Hội đồng quản trị, ban giám đốc, kế toán trưởng), cán bộ nghiệp vụ (kể cả phiên dịch). Những cán bộ này chưa được đào tạo một cách có hệ thống, cần được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung.

Ngoài ra, cần phải đào tạo để chuẩn bị cho việc tiếp nhận các dự án

sẽ tăng lên và ngày càng mở rộng trong những năm tới, đồng thời cũng cần phải đào tạo đội ngũ kế tục, thay thế.

Đào tạo về nguyên tắc phải đi trước một bước. Do đó đây là vấn đề hết sức khẩn trương.

Trước mắt, các ngành, các địa phương khi soạn thảo kế hoạch kêu gọi đầu tư nước ngoài cần có ngay kế hoạch chọn lựa cán bộ gửi đi đào tạo.

Cùng với việc đẩy mạnh công tác đào tạo, cũng nên áp dụng cơ chế thi tuyển cán bộ, nhất là đối với những dự án quan trọng. Những cán bộ có năng lực (không kể ngành và địa phương nào), qua những cuộc tuyển chọn sẽ được quyền làm việc trong các liên doanh.

Đi đôi với đào tạo và thi tuyển, cần xây dựng chế độ quy hoạch, kiểm tra chặt chẽ cán bộ làm việc trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong những trường hợp cần thiết, cần kiên quyết thay đổi những cán bộ kém năng lực.

IV. NHỮNG LĨNH VỰC ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA VN

Từ nay đến năm 2000, VN cần ưu tiên đầu tư nước ngoài vào 8 lĩnh vực sau:

1. Xây dựng nền tảng CN dầu khí VN, với các chỉ tiêu:

- Khai thác trên 20 triệu tấn dầu thô.

- Hoàn thành nhà máy lọc dầu thứ nhất trước năm 2000 và bắt đầu xây dựng nhà máy lọc dầu thứ 2.

- Dẫn khí đốt vào bờ để phát điện, sản xuất phân đạm và khí hóa lỏng.

Để thực hiện các dự án trên, cần khoảng 8 tỉ USD, vốn và 2/3 số vốn này đã được ký kết.

2. Xây dựng 10 khu công nghiệp với khoảng 900 xí nghiệp cần khoảng 5 tỉ USD vốn.

3. Phát triển một số dự án nằm ngoài các khu công nghiệp kể trên với vốn đầu tư khoảng 2 tỉ USD.

4. Xây dựng 5 tới 6 nhà máy xi măng với sản lượng 7-8 triệu tấn, vốn đầu tư khoảng 1,5 tỉ USD.

5. Phát triển một số xí nghiệp công nghiệp nặng như: luyện kim, cơ khí, điện tử, hóa chất. Cần khoảng 1,2 tỷ USD vốn.

6. Đầu tư sản xuất và chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp. Cần khoảng 0,8 tỉ USD vốn.

7. Đầu tư khoảng 1 tỉ USD cho giao thông vận tải, viễn thông, cơ sở hạ tầng.

8. Phát triển hoạt động dịch vụ, du lịch, khách sạn với 1,5 tỉ USD vốn.

Tham luận tại Hội thảo do Đại học quốc gia Úc tổ chức ở Hà Nội từ 8 đến 10.5.1995.